

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 285/2022/DSPT

Ngày: 24/11/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*V/v tranh chấp: Hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng
đất; Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân**

Ông **Võ Ngọc Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Hà Vy**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Ngọc Như Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLPT-DS ngày 03/10/2022 về tranh chấp: “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2022/DS-ST ngày 22/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐ-PT ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp L P, xã L C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Loan: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn V B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 06 năm 2021)

* *Bị đơn:* 1/ **Tạ Thị S**, sinh năm 1962

2/ **Trần Văn N**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp B L, xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngon: **Trần Thị Kim Ph**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn V B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2022)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Trần Duy T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp B L, xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Ủy ban nhân dân xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang**

Địa chỉ: Ấp B H, xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo pháp luật: **Phạm Thị Thanh H** – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thành Công.

Người kháng cáo: Bị đơn Tạ Thị S, Trần Văn N.

(Chị Ph, bà S, ông N và chị N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và đại diện theo ủy quyền là chị Đỗ Thị Thu N trình bày: Giữa bà L và vợ chồng ông N, bà S là hàng xóm. Do cần tiền làm kinh tế gia đình và sửa nhà nên ông N, bà S vay của bà L 02 lần tiền thỏa thuận mỗi lần là 3%/tháng, khi nào cần lấy vốn phải báo trước. Cụ thể như sau:

- Ngày 30/12/2019 âm lịch, vay 100.000.000 đồng. Bà S, ông N đóng lãi đủ đến ngày 30/7/2020 âm lịch, vốn chưa trả.

- Ngày 12/8/2020 âm lịch, vay 230.000.000 đồng. Bà S đưa tờ giấy có chữ viết của ông N nội dung là “L đưa tiền cho thiếu mười: vậy chú đồng ý” nên bà L đưa tiền cho bà S. Quá trình thực hiện bà S, ông N không đóng lãi cũng không trả vốn.

Cả 02 lần vay đều có làm biên nhận nợ do bà S viết và ký tên. Bà L đã yêu cầu bà S, ông N trả vốn và lãi còn nợ nhiều lần nhưng bà S chỉ hứa hẹn kéo dài, còn ông N thì cho rằng là nợ riêng của bà S.

Bà L yêu cầu bà S, ông N cùng có nghĩa vụ liên đới trả tổng tiền vốn vay còn nợ là 330.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 28/9/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 20%/năm.

Ngày 13/01/2022, bà L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà S với anh Trần Duy T (là con của ông N, bà S) đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.113,1m², loại đất lúa, tại ấp Bình Lạc, xã Thành Công được Ủy ban nhân dân xã Thành Công chứng thực số 46, quyền số 01/2021-SCT/HĐ.GD ngày 18/6/2021 vì bà L cho rằng ông N, bà S tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn

+ Bà Tạ Thị S trình bày: Bà lén lút vay tiền bà L nhiều lần không cho ông N biết để chữa bệnh cho em trai là ông Tạ Văn D, các lần vay gồm:

Ngày 30/12/2019 âm lịch vay 100.000.000 đồng, sau đó bà vay thêm nhiều lần mỗi lần từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, tất cả các lần vay đều có làm biên nhận do bà L giữ và đều thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, khi nào cần lấy vốn phải báo trước.

Đến ngày 12/8/2020 âm lịch thì bà L tổng cộng vốn vay là 230.000.000 đồng và kêu bà làm giấy nợ.

Bà xác định các biên nhận bà L nộp đều là chữ viết của bà và do bà ký tuy nhiên, biên nhận mượn tiền ngày 12/8/2020 âm lịch là bao gồm tất cả các lần vay chứ không phải là bà vay thêm 230.000.000 đồng. Quá trình thực hiện bà đã trả lãi đến 19/01/2021 âm lịch nhưng không có gì chứng minh.

Tờ giấy có nội dung “L đưa tiền cho thiêm mười: vậy chú đồng ý” là ông N viết để bà nhận dùm số tiền 10.000.000 đồng mà ông N vay của bà L, sau đó ông N đã trả nợ xong theo giấy mà ông N đã cung cấp cho Tòa án.

Với yêu cầu của bà L thì bà có ý kiến:

- Không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L vì bà chỉ nợ 230.000.000 đồng và là nợ riêng của bà chứ không phải nợ chung của vợ chồng. Bà đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và không trả lãi.

- Không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và và con trai bà là anh Trần Duy T đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6 vì việc tặng cho hoàn toàn hợp pháp.

+ Ông Trần Văn N và đại diện theo ủy quyền của ông N là chị Trần Thị Kim Ph trình bày:

Ông N không đồng ý với yêu cầu trả tiền của bà L vì 02 khoản tiền mà phía nguyên đơn trình bày là nợ riêng của bà S. Ông N có vay của bà L 100.000.000 đồng vào ngày 09/01/2020 có viết giấy nợ, tiếp đó không nhớ rõ ngày nhưng trước ngày 15/12/2020 âm lịch sau khi hỏi vay thêm 10.000.000 đồng và được bà L đồng ý. Ông viết tờ giấy có nội dung “L đưa tiền cho thiêm mười: vậy chú đồng ý” để nhờ bà Sớm đến lấy tiền thay. Tổng số nợ 110.000.000 đồng này ông N đã trả xong vào ngày 15/12/2020 âm lịch.

Ông N cũng không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông với con ông là anh Trần Duy T đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6 vì hợp đồng này hoàn toàn hợp pháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Duy T trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu của bà L về việc hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ anh với anh đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6 vì hợp đồng được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ *Đại diện Ủy ban nhân dân xã T C bà Phạm Thị Thanh H trình bày:* Quy trình, thủ tục chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T C đối với hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà S với anh T là đúng theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng minh mẫn, nhận thức và làm chủ hành vi của mình và trực tiếp ký vào bản hợp đồng trên cơ sở tự nguyện giữa các bên. Với yêu cầu của bà L, Ủy ban nhân dân xã T C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ vào: Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc bà Tạ Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc và lãi tổng cộng là 126.055.556 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc bà Tạ Thị S và ông Trần Văn N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc và lãi tổng cộng là 289.927.778 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn N, bà Tạ Thị S với anh Trần Duy T đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.113,1m², loại đất lúa, tại ấp B L, xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân xã Thành Công chứng thực số 46, quyền số 01/2021-SCT/HĐ.GD ngày 18/6/2021.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 22 tháng 6 năm 2022, bà Tạ Thị S và ông Trần Văn N có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm, cho rằng đây là số nợ riêng của bà S vay của chị L, ông N không có liên quan nên ông N không đồng ý liên đới trả cho chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà S bổ sung yêu cầu kháng cáo, yêu cầu tính lại lãi suất vì theo án sơ thẩm tính lãi suất quá hạn là không phù hợp. Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các biên nhận nợ mà bà S thừa nhận, ký tên, không có căn cứ để cho rằng quan hệ vay nợ của bà S không dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy có thể hiện ông N có biết được việc vay tiền của bà S và đồng ý nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Đối với yêu cầu kháng cáo về lãi suất, theo án sơ thẩm buộc trả lãi suất là phù hợp, không cao theo sự thỏa thuận giữa các bên, kháng cáo

của bị đơn là không có cơ sở để xem xét. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, do án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không qui định về hậu quả của việc đình chỉ là có thiếu sót, cần sửa bản án sơ thẩm về hậu quả của việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo qui định Tố tụng dân sự.

[II]- Về nội dung vụ án: Trong năm 2019 và 2020 giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L với bà Tạ Thị S có xác lập quan hệ vay tiền, thể hiện qua hai tờ biên nhận ngày 30/12/2019 và ngày 12/8/2020 với tổng số tiền vay là 330.000.000 đồng; bà S thừa nhận có vay và ký tên vào hai tờ biên nhận nợ. Căn cứ vào chứng cứ đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà S và ông N phải trả vốn là 330.000.000 đồng và tính lãi suất theo qui định. Sau khi xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, bà S và ông N kháng cáo với lý do ông N không có liên quan trong số nợ vay, nên không đồng ý về phần liên đới cùng với bà S trả tiền cho bà L.

[II.1]- Xem xét: Bà S với ông N là vợ chồng, còn trong thời kỳ hôn nhân, về chứng cứ là các tờ biên nhận nợ của bà L chỉ có bà S ký tên vay mượn, sau khi thụ lý vụ án thì bà S trình bày việc vay mượn là cá nhân bà vay mượn của bà L, dùng vào việc điều trị bệnh cho em trai và cho em gái là Tạ Thị T vay lại, ông N cũng cho biết ông không có liên quan trong việc vay mượn của bà S. Theo Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình qui định về trách nhiệm liên đới, nghĩa vụ của vợ chồng là khi cá nhân vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; khi vay tiền là chỉ có bà S vay tiền của bà L, bà Tạ Thị T là em bà S thừa nhận và có tờ biên nhận ngày 18/12/2020, thể hiện có vay tiền của bà S vào thời gian cách nhau vài tháng sau khi bà S vay tiền của bà L, nên trình bày của bà S về việc bà S vay tiền của bà L để dùng vào việc cá nhân. Án sơ thẩm chỉ buộc bà S có nghĩa vụ trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất là có cơ sở, phù hợp.

[II.2]- Về chứng cứ bà L cho rằng ông N có lời trình bày là tờ giấy: ...*đưa tiền cho thiếu mười: Vậy chú đồng ý để cho rằng ông N có biết việc vay mượn tiền, ông N không thừa nhận có việc này, cho rằng đây là quan hệ vay số tiền khác và đã trả xong. Xem xét về chứng cứ trên, tuy không thể hiện về thời gian, số tiền cụ thể; bà L cho rằng vì bà S vay số tiền vào thời gian sau 230.000.000 đồng là số tiền lớn, nên yêu cầu ông N là chồng bà S cùng phải có nghĩa vụ nên buộc ghi tờ giấy này. Bà L chứng minh ông N có biết được vay tiền của bà S và đồng ý, ông N cho rằng là quan hệ vay số tiền khác, nhưng khi cho rằng đã trả xong thì lẽ ra ông phải thu hồi lại tờ giấy là chứng cứ này; bên cạnh đó ông N đã thừa nhận là*

giữa ông, bà S với bà L đã thực hiện giao dịch vay tiền nhiều lần, vào nhiều thời gian khác nhau, nên ông có biết việc vay tiền của bà S. Do đó, ông N phải có nghĩa vụ trong việc vay mượn từ tờ biên nhận của số tiền gốc là 230.000.000 đồng.

[II.3]- Về lãi suất: Khi thực hiện giao dịch vay tiền, giữa các bên tự nguyện và thỏa thuận lãi suất là 3% đến 3,5%/tháng. Án sơ thẩm xem xét tính lãi suất 20%/năm là phù hợp, yêu cầu kháng cáo bổ sung của bị đơn về lãi suất là không có cơ sở.

[III]- Từ những phân tích nêu trên, xem xét yêu cầu kháng cáo của bà S và ông N là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận.

[IV]- Do yêu cầu kháng cáo của ông N và bà S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[V]- Đối với phần nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa, nên cấp sơ thẩm đình chỉ phần rút yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp, nhưng không nêu về hậu quả của việc đình chỉ là có thiếu sót, cần phải quyết định về hậu quả của việc đình chỉ theo qui định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 288 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thị S và ông Trần Văn N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Buộc bà Tạ Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc và lãi tổng cộng là 126.055.556 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Buộc bà Tạ Thị S và ông Trần Văn N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc và lãi tổng cộng là 289.927.778 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

* Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn N, bà Tạ Thị S với anh Trần Duy T đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.113,1m², loại đất lúa, tại ấp B L, xã T C, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân xã T C chứng thực số 46, quyền số 01/2021-SCT/HĐ.GD ngày 18/6/2021.

Bà L được quyền khởi kiện lại về quan hệ pháp luật đã đình chỉ theo qui định.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu số 0006252 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 11 năm 2022, có mặt ông N và bà S.

** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu